TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 32/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2024
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chìu và bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về *việc:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

<u>*Nguyên đơn*</u>: Chị Phạm Thị A, sinh năm: 1993.

ĐKHKTT: thôn ÔM, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: thôn NgL, xã TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

<u>*Bị đơn*</u>: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: thôn ÔM, xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th được tự do tìm hiểu nhau 06 tháng thì tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, không chia sẻ được với nhau, anh Thanh không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, kinh tế vợ chồng

không tập trung. Anh Th dính vào các tệ nạn xã hội và mải chơi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Chị là người trực tiếp nuôi con. Mẹ con chị có nhà ở ổn định và rộng rãi do chị được bố mẹ đẻ cho đất để làm nhà tại xã TK, huyện TK. Hiện, chị đang làm công nhân cho xưởng sản xuất ĐL tại xã TK, huyện TK, lương và thu nhập trung bình của chị được khoảng 7 triệu đồng đến 7,5 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Nay, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th và giải quyết về quan hệ con chung của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Th thông qua mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị Ch. Bà Ch xác định: anh Th không có nhà nên bà nhận thay và sẽ thông báo lại các văn bản của Tòa án cho anh Th. Theo bà Ch trình bày, chị A và anh Th được tự do tìm hiêu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 12/01/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, huyện TK. Sau khi cưới, anh chị chung sống tại nhà của bà. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 - 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, không chia sẻ được với nhau. Anh Th còn mải chơi, thiếu trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng mâu thuẫn. Bà cố gắng khuyên nhủ nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị A đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2023, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Từ ngày chị A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Th đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Bà không biết địa chỉ của anh Th ở đâu. Bà có hỏi nhưng anh Th không nói địa chỉ ở đâu và không cho bà biết anh ở đâu. Anh Th vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ này, vẫn thường xuyên liên lạc với bà. Nay, chị A xin ly hôn anh Th, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, vợ chồng anh chị có một con chung, hiện nay đang ở với chị A. Nguyện vọng của chị A xin được nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, bà cũng nhất trí. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với bà, anh chị không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2024, bà Nguyễn Thị L, mẹ đẻ của chị A trình bày: Chị A và anh Th kết hôn với nhau vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th còn mải chơi, vợ chồng không tập trung kinh tế, không thống nhất với nhau trong mọi việc, không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng xa cách, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên ảnh hưởng đến tâm lý của con chung. Vợ chồng bà đã cho chị A đất để làm nhà. Chị A có nhà ở ổn định và rộng rãi tại thôn NgL, xã TK, huyện TK. Vợ chồng chị A có trao đổi với nhau về cuộc sống hôn nhân nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện và đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị A xin ly hôn anh Th, quan điểm của gia đình bà mong muốn anh chị hạnh phúc nhưng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm đến nhau nên bà đề nghị Tòa án giải

quyết theo nguyện vọng của chị A cho chị được ly hôn với anh Th. Vợ chồng có một con chung, hiện con đang ở với chị A do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đưa đón con đi học hàng ngày. Chị A đã có nhà ở và làm công nhân may, thu nhập trung bình được 7 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Để tạo điều kiện cho con chung của anh chị trong cuộc sống, bà đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung của anh chị cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng bà, anh chị không có.

Về quan hệ con chung: Chị A và gia đình hai bên trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Phạm Thu Th, sinh ngày 04/10/2012. Hiện, chị A đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đưa đón con đi học hàng ngày. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị có nhà ở ổn định và đang làm công nhân, lương và thu nhập trung bình của chị được khoảng 7 triệu đồng đến 7,5 triệu đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Cháu Nguyễn Phạm Thu Th có nguyện vọng được ở với chị A.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị không có, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã HĐ và Công an xã HĐ thể hiện: Chị A và anh Th được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HĐ, huyện TK vào ngày 12/01/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp, không có sự chia sẻ với nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Từ ngày chị A về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh Th đi làm xa ở đâu địa phương không nắm được, thỉnh thoảng anh vẫn về nhà và vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Nay, chị A xin ly hôn anh Th, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có một con chung do chị A nuôi dưỡng. Anh Th làm công việc tự do, không ổn định, trước đây làm thuê cho đại lý bánh kẹo còn hiện nay làm gì, địa phương không nắm được. Về con chung, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo nguyện vọng của chị A và con chung để đảm bảo quyền lợi của con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng, nợ riêng, cho vay riêng, địa phương không nắm được.

Tại Công văn số: 1434/QLXNC ngày 02/7/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Hải Dương cung cấp: không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp Nguyễn Văn Th, số CCCD 030085004501.

Tại phiên toà, chị Phạm Thị A vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th và giải quyết về con chung của anh chị, ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết

vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn Th. Giao con chung Nguyễn Phạm Thu Th, sinh ngày: 04/10/2012 cho chị Phạm Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị A về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị A phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị A đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 29/7/2024; tại phiên tòa, anh Th vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 17/8/2024. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Phạm Thị A và anh Nguyễn Văn Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương vào ngày 12/01/2012 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc đến năm 2021 - 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, giữa hai người không có sự chia sẻ. Anh Th còn mải chơi, chưa chịu khó làm ăn, thiếu trách nhiệm với vợ con, kinh tế vợ chồng không tập trung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân từ năm 2023. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án triệu tập anh Th nhiều lần qua mẹ đẻ anh Th. Anh Th biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị A và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị A xin ly hôn anh Th phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Phạm

Thu Th, sinh ngày 04/10/2012, hiện con đang ở với chị A. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình của chị được 7 triệu đồng đến 7,5 triệu đồng/tháng; chị có nhà ở tại xã TK, huyện TK. Hàng ngày chị là người chăm sóc cho con về mọi mặt nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Mặt khác, cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ, gia đình hai bên đều đề nghị Tòa án giao con chung cho chị A nuôi dưỡng. Anh Th vẫn đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà, chị A có công việc tốt, thu nhập ổn định, có chỗ ở thuận lợi, chị vẫn là người nuôi dưỡng, chăm sóc con nên nay chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng cho con là chính đáng, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị không có, chị Phạm Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Phạm Thị A xin ly hôn anh Nguyễn Văn Th nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Phạm Thị A được ly hôn anh Nguyễn Văn Th.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Phạm Thu Th, sinh ngày 04/10/2012 cho chị Phạm Thị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 8/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị A về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn Th cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị A đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004874 ngày 11 tháng 4 năm 2024 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Phạm Thị A đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Phạm Thị A vắng mặt anh Nguyễn Văn Th. Chị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND xã HĐ, huyện TK để lưu hộ tịch (Kết hôn ngày 12/01/2012 tại UBND xã HĐ, huyện TK);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thúy Hạnh